TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 06 – 3 – 2026.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên toà*:* Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T , sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú Lợi A, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú Nh , sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú Tân, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Trước đây, bà và ông Nguyễn Phú Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2012. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Đến đầu năm 2018, thì bà T và ông Nh ly thân với nhau cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phú Nh .

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Khôi (nam) sinh ngày 24/8/2012. Hiện cháu Thành Khôi đang sống với mẹ là bà T . Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi cháu Thành Khôi, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Phú Nh vẫn không đến Tòa án: Do ông Nh vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Nh .

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Bị đơn ông Nguyễn Phú Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh .

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T ; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú Nh ; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Thành Kh (nam) sinh ngày 24/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Phú Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú Nh , Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phú Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh .

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phú Nh xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2012. Được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2012 nên hôn nhân giữa bà T và ông Nh được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nh . Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Nh nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó bà T và ông Nh đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, bà T đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà T vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông Nh . Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến về vụ kiện, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T xin ly hôn với ông Nh là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú Nh .

[4] Về con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phú Nh có con chung là cháu Nguyễn Thành Kh (nam) sinh ngày 24/8/2012. Từ khi bà T và ông Nh ly thân thì cháu Thành Kh sống chung với bà T . Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì bà T có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có chỗ ở nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành. Hơn nữa cháu Thành Khôi cũng có nguyện vọng là khi cha mẹ ly hôn mong muốn của cháu là được sống chung với mẹ.

Đồng thời, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Thành . Giao cháu Nguyễn Thành Kh (nam) sinh ngày 24/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Phú Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Ngọc T chưa yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Phú Nh không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Phú Nh .

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú Nh .

3. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Khôi (nam) sinh ngày 24/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Phú Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Ngọc T chưa yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Phú Nh không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004387 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành tiền án phí. Bà T đã nộp xong.

7. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2026). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- THA DS Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV 14;
- UBND xã Phú Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trương **Võ Văn Trường** **Nguyễn Thị Thúy Hường**